

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ CẨM MUỘN - HUYỆN QUẾ PHONG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
XÃ CẨM MUỘN						
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN					
1	Quốc lộ 48 D đoạn qua địa bàn xã Cẩm Muộn					
1.1	Quốc lộ 48D	Từ giáp địa phận xã Châu Thôn (từ thửa số 1 tờ bản đồ số 6)	Đến Cầu Sông Quàng bản Mòng 2 (đến thửa số 70, tờ bản đồ số 25)	230.000; 400.000	1.400.000	
1.2	Quốc lộ 48D	Từ giáp Cầu Sông Quàng (từ thửa số 102 tờ bản đồ số 25)	Đến giáp địa phận đất xã Quang Phong (đến thửa số 42, tờ bản đồ số 32)	400.000	1.250.000	
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI CÁC THÔN BẢN					
1	Bản Piêng Cắm					
1.1	Đường trục chính	Đầu bản Piêng Cắm (từ thửa số 7 tờ bản đồ số 6)	Cuối bản Piêng Cắm (đến thửa số 12 tờ bản đồ số 11)	70.000; 92.000; 172.000,	800.000	
1.2	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Thị Tình (từ thửa số 3 tờ bản đồ số 10)	Cuối bản Piêng Cắm (đến thửa số 20 tờ bản đồ số 10)	92.000	350.000	
1.3	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Thêm (từ thửa số 1 tờ bản đồ số 7)	nhà ông Lô Văn Bình (đến thửa số 1 tờ bản đồ số 7)	70.000	230.000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
1.4	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Thêm (từ thửa số 1 tờ bản đồ số 7)	nhà ông Lô Xuân sạch (đến thửa số 1 tờ bản đồ số 4)	70.000	230.000	
1.5	Đường nội thôn	Từ nhà Quiang văn Bình (từ thửa số 1 tờ bản đồ số 12)	nhà ông Lô Văn Quanh (đến thửa số 16 tờ bản đồ số 12)	70.000	180.000	
1.6	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 7;10;11;12		70.000	180.000	
2	Thôn bản Bó					
2.1	Đường nội thôn	Từ nhà Lữ Văn Dẫn (từ thửa số 51 tờ bản đồ số 13)	Đến nhà ông Lô Văn Hưng (đến thửa số 6 tờ bản đồ số 9)	70.000	250.000	
2.2	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 8;9;13		70.000	230.000	
3	Bản Phả Pạt					
3.1	Đường trục chính	(từ thửa đất số 62 tờ bản đồ số 22)	Đến cuối đường (bản Phả Pạt) (đến thửa đất số 17 tờ bản đồ số 14)			
3.2	Đường trục chính	Từ cầu treo phả pạt (từ thửa đất số 49 tờ bản đồ số 22)	Đến cuối đường (bản Phả Pạt) (đến thửa đất số 63 tờ bản đồ số 22)	100.000; 184.000	400.000	
3.3	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Sơn (từ thửa số 41 tờ bản đồ số 17)	Đến nhà ông Hà Văn Nhang (đến thửa số 22 tờ bản đồ số 16)	70.000	200.000	
3.4	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 14; 16; 17; 21; 22; 23)		70.00; 80.000	240.000	
4	Bản Pún					
4.1	Đường trục chính	đầu đường (từ thửa đất số 7 tờ bản đồ số 28)	Nhà ông Lô Văn Phúc bản Pún (đến thửa số 3, tờ bản đồ số 30)	138000;184000	400.000	
4.2	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Hấp (từ thửa số 12 tờ bản đồ số 28)	Đến nhà ông Vi Văn Thực (đến thửa số 75 tờ bản đồ số 28)	100.000; 184.000	400.000	
4.3	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Dự (từ thửa số 6 tờ bản đồ số 31)	Đến nhà ông Mạc Văn Thiết (đến thửa số 20 tờ bản đồ số 31)	70.000	300.000	

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
4.4	Đường nội thôn	Từ nhà Mạc Văn Sơn (từ thửa số 21 tờ bản đồ số 31)	nhà ông Lô Văn Bàn (đến thửa số 28 tờ bản đồ số 31)	70.000	240.000	
4.5	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Quyết (từ thửa số 23 tờ bản đồ số 31)	Đến nhà ông Lô Văn Suất (đến thửa số 50 tờ bản đồ số 31)	70.000	240.000	
4.6	Đường nội thôn	từ nhà Lô Văn Ngọc (từ thửa số 53 tờ bản đồ số 31)	Đến nhà ông Hà Văn Đón (đến thửa số 78 tờ bản đồ số 30)	70.000	240.000	
4.7	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Thơ (từ thửa số 61 tờ bản đồ số 30)	Đến nhà ông Lô Văn Dương (đến thửa số 75 tờ bản đồ số 31)	70.000	240.000	
4.8	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Minh Phúc (từ thửa số 4 tờ bản đồ số 30)	Đến nhà ông Lô Văn Hiền (đến thửa số 12 tờ bản đồ số 30)	70.000	240.000	
4.9	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 28; 30; 31		70.000	180.000	
5	Bản Cẩm Nọc					
5.1	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Êm (từ thửa số 132 tờ bản đồ số 35)	Đến nhà ông Lô Văn Phân (đến thửa số 5 tờ bản đồ số 35)	70.000	300.000	
5.2	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Thị Thắng (từ thửa số 26 tờ bản đồ số 35)	Đến nhà bà Lữ Thị Hân (đến thửa số 8 tờ bản đồ số 35)	70.000	240.000	
5.3	Đường nội thôn	Lương Văn Yên (từ thửa số 45 tờ bản đồ số 34)	Đến nhà ông Lữ Văn Điềm (đến thửa số 13 tờ bản đồ số 35)	70.000	240.000	
5.4	Đường nội thôn	Đầu bản Cẩm Nọc (từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 35)	Nhà ông Vi Văn Hợi (đến thửa số 144, tờ bản đồ số 35)	70.000	300.000	
5.5	Đường nội thôn	Từ nhà ông Lô Văn Vinh (từ thửa số 64 tờ bản đồ số 35)	Nhà ông Lô Văn Dụng (đến thửa số 64, tờ bản đồ số 34)	70.000	300.000	
5.6	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 34;35		70.000	200.000	
6	Cắm Pôm					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá được quy định tại bảng giá đất hiện hành (đ/m ²)	Mức giá điều chỉnh (đ/m ²)	Ghi chú
		Từ	Đến			
6.1	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Huôm (từ thửa số 115 tờ bản đồ số 34)	Đến nhà ông Lô Văn Luôn (đến thửa số 194 tờ bản đồ số 34)	70.000	300.000	
6.2	Đường nội thôn	Từ nhà Lô Văn Nhận (từ thửa số 111 tờ bản đồ số 34)	Đến nhà ông Lương Văn Quân (đến thửa số 191 tờ bản đồ số 34)	70.000	240.000	
6.3	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 34;35		70.000	200.000	
7	Bản Màng 1					
7.1	Đường trục chính	Từ nhà ông Lang Thị Hoa (từ thửa số 22 tờ bản đồ số 23)	Đến nhà Ông Vi Văn Lâm (từ thửa số 67 tờ bản đồ số 25)	230.000	450.000	
7.2	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Dấu (từ thửa số 111 tờ bản đồ số 24)	Đến nhà ông Vi Văn Cân (đến thửa số 44 tờ bản đồ số 24)	230.000	450.000	
	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 23;24; 25		230.000		
8	Bản Màng 2					
8.1	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Lóm (từ thửa số 89 tờ bản đồ số 24)	Đến nhà ông Vi Văn Đản (đến thửa số 45 tờ bản đồ số 24)	230.000	450.000	
8.2	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Huyền (từ thửa số 80 tờ bản đồ số 24)	Đến nhà ông Lang Văn Hòa (đến thửa số 35 tờ bản đồ số 24)	230.000		
8.3	Đường nội thôn	Từ nhà Lang Văn Tiến (từ thửa số 61 tờ bản đồ số 25)	Đến nhà ông Vi Thị Tuấn (đến thửa số 89 tờ bản đồ số 25)	115.000	300.000	
8.4	Đường nội thôn	Từ nhà Lang Văn Thân (từ thửa số 85 tờ bản đồ số 25)	Đến nhà ông Lang Thị Táo (đến thửa số 30 tờ bản đồ số 25)	115.000		
8.5	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Thạch (từ thửa số 35 tờ bản đồ số 32)	Đến nhà ông Lang Văn Phòng (đến thửa số 45 tờ bản đồ số 32)	<i>Chưa xác định giá đất</i>	300.000	
8.6	Đường nội thôn	Từ nhà Vi Văn Xôn (từ thửa số 28 tờ bản đồ số 32)	Đến nhà ông Vi Văn Sơn (đến thửa số 27 tờ bản đồ số 32)	<i>Chưa xác định giá đất</i>		
8.7	Các ngõ còn lại	Gồm các tờ bản đồ số 24;25; 32		70.000	240.000	